

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2020
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2019; Miễn nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2020
Ông Vũ Hà Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2020
Ông Hà Sỹ Dinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2019; Miễn nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2020
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2019
Ông Trần Trung Thiện	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2019

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Khanh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2019
Ông Trần Trung Thiện	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2019; Miễn nhiệm ngày 01/10/2020

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2019
Bà Trịnh Khánh Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Ngọc Quỳnh Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2019

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Số: 189 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, 01 tháng 03 năm 2021

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.687.723.196	33.723.229.277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.683.189.943	2.705.705.937
1. Tiền	111		3.683.189.943	2.705.705.937
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.161.200	2.161.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.161.200	2.161.200
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.825.178.873	8.129.709.566
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.991.691.561	6.844.296.144
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	349.000.000	655.909.091
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	825.291.635	970.308.654
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(340.804.323)	(340.804.323)
IV. Hàng tồn kho	140	10	5.814.285.632	6.119.677.677
1. Hàng tồn kho	141		5.814.285.632	6.119.677.677
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		362.907.548	16.765.974.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	84.026.310	304.943.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.386.572.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	278.881.238	14.074.458.182
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		252.917.126.114	442.253.366.735
II. Tài sản cố định	220		230.048.571.339	212.474.184.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	230.048.571.339	208.965.501.229
- Nguyên giá	222		240.942.900.080	253.705.503.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.894.328.741)	(44.740.002.581)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	3.508.683.400
- Nguyên giá	228		100.000.000	3.608.683.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	22.213.509.320	229.124.136.651
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.213.509.320	229.124.136.651
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	655.045.455	655.045.455
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		655.045.455	655.045.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		283.604.849.310	475.976.596.012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		136.015.225.859	328.707.243.611
I. Nợ ngắn hạn	310		58.978.475.859	40.165.063.611
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	27.286.802.682	14.418.622.879
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.491.177.396
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.622.871.725	290.656.613
4. Phải trả người lao động	314		345.873.854	419.764.908
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	79.100.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.866.975.069	9.219.092.649
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	19.386.500.000	13.918.896.637
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		390.352.529	406.852.529
II. Nợ dài hạn	330		77.036.750.000	288.542.180.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.526.750.000	178.738.180.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	75.510.000.000	109.804.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.589.623.451	147.269.352.401
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	147.589.623.451	147.269.352.401
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.076.850.000	160.076.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.076.850.000	160.076.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.603.459	48.603.459
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.510.000)	(3.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.334.615.191	1.334.615.191
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.866.935.199)	(14.187.206.249)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.187.206.249)	(14.324.381.506)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		320.271.050	137.175.257
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		283.604.849.310	475.976.596.012

Thầy

Nguyễn Tiến Khanh



Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	88.301.479.353	38.058.060.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		88.301.479.353	38.058.060.312
4. Giá vốn hàng bán	11	22	79.262.266.119	29.787.171.300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.039.213.234	8.270.889.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.945.400	4.047.186
7. Chi phí tài chính	22	24	10.259.551.258	4.821.403.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	10.259.551.258	4.821.403.552
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.361.297.176	3.352.222.715
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(3.578.689.800)	101.309.931
11. Thu nhập khác	31	26	4.411.968.226	37.344.350
12. Chi phí khác	32	27	24.982.516	1.479.024
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.386.985.710	35.865.326
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		808.295.910	137.175.257
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	488.024.860	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>320.271.050</u>	<u>137.175.257</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	20	9

Thư



Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		85.700.595.732	38.130.585.575
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(58.551.800.796)	(15.131.782.558)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.323.565.053)	(3.009.612.600)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.180.451.258)	(4.821.403.552)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(766.906.098)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.171.741.604	10.795.257.293
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(194.764.249.288)	(11.387.819.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(171.714.635.157)	14.575.224.771
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20.724.959.600)	(7.967.206.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		222.240.530.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.945.400	4.047.186
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		201.518.515.800	(7.963.159.454)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		15.086.500.000	8.472.043.839
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.912.896.637)	(15.553.147.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.826.396.637)	(7.081.103.363)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		977.484.006	(469.038.046)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.705.705.937	3.174.743.983
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	3.683.189.943	2.705.705.937

Truc
noan



[Handwritten signature]

Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500450173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 160.076.850.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 160.076.850.000 đồng; tương đương 16.007.685 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư, Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, buru điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Khoan nổ mìn, khai thác vật liệu xây dựng;
- Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Cho

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	47.228.000	20.918.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.635.961.943	2.684.787.537
	<u><u>3.683.189.943</u></u>	<u><u>2.705.705.937</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	2.161.200	-	-	-
Cổ phiếu PET	2.070.000	-	-	-
Cổ phiếu khác	91.200	-	-	-
	2.161.200	-	-	2.161.200

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	655.045.455	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (*)	654.545.455	-	-	-
Cổ phiếu lẻ của Công ty Cổ phần Sông Đà 2	500.000	-	-	-
	655.045.455	-	-	655.045.455

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Do cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá trị trường của cổ phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	1.544.281.158	1.544.281.158
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	2.297.744.560	2.394.957.674
Công ty Điện lực Điện Biên	12.310.861.520	2.313.834.443
Công ty Cổ phần BTA	3.498.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	340.804.323	591.222.869
	19.991.691.561	6.844.296.144

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt	-	-	305.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ và kỹ thuật điện	349.000.000	-	349.000.000	-
Trả trước khác	-	-	1.909.091	-
	349.000.000	-	655.909.091	-

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	700.000.000	-	603.888.899	-
Ký cược, ký quỹ	23.750.000	-	23.750.000	-
Phải thu khác	101.541.635	-	342.669.755	-
	825.291.635	-	970.308.654	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.814.285.632	-	6.119.677.677	-
	5.814.285.632	-	6.119.677.677	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.213.509.320	229.124.136.651
Dự án Thủy điện Mường Sang 2 - Mộc Châu - Sơn La	19.031.178.182	225.941.805.513
Dự án Thủy điện Thu Cúc	3.182.331.138	3.182.331.138
	<u>22.213.509.320</u>	<u>229.124.136.651</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	169.535.987.301	74.360.236.549	9.768.079.960	41.200.000	-	253.705.503.810
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	163.495.422.791	52.377.342.270	10.069.040.452	-	-	225.941.805.513
Thanh lý, nhượng bán	(162.708.684.697)	(68.031.194.126)	(7.964.530.420)	-	-	(238.704.409.243)
Tại ngày 31/12/2020	170.322.725.395	58.706.384.693	11.872.589.992	41.200.000	-	240.942.900.080
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	22.338.532.263	18.818.775.009	3.559.375.221	23.320.088	-	44.740.002.581
Trích khấu hao	6.149.057.844	3.348.457.621	924.785.197	5.150.004	-	10.427.450.666
Thanh lý, nhượng bán	(26.768.746.233)	(14.183.422.346)	(3.320.955.927)	-	-	(44.273.124.506)
Tại ngày 31/12/2020	1.718.843.874	7.983.810.284	1.163.204.491	28.470.092	-	10.894.328.741
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	147.197.455.038	55.541.461.540	6.208.704.739	17.879.912	-	208.965.501.229
Tại ngày 31/12/2020	168.603.881.521	50.722.574.409	10.709.385.501	12.729.908	-	230.048.571.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	3.508.683.400	100.000.000	3.608.683.400
Thanh lý, nhượng bán	(3.508.683.400)	-	(3.508.683.400)
Tại ngày 31/12/2020	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	-	100.000.000	100.000.000
Tại ngày 31/12/2020	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.508.683.400	-	3.508.683.400
Tại ngày 31/12/2020	-	-	-

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	16.000.000	52.861.100
Công cụ dụng cụ	-	87.591.746
Phí bảo hiểm công trình	68.026.310	164.490.879
	84.026.310	304.943.725

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6 Điện Biên	13.425.755.313	13.425.755.313	-	-
Công ty TNHH Tân An	1.477.925.200	1.477.925.200	1.577.925.200	1.577.925.200
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	1.587.527.637	1.587.527.637	1.587.527.637	1.587.527.637
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà	4.857.725.349	4.857.725.349	4.857.725.349	4.857.725.349
Các khoản phải trả khác	5.937.869.183	5.937.869.183	6.395.444.693	6.395.444.693
	27.286.802.682	27.286.802.682	14.418.622.879	14.418.622.879

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	4.165.451.044	-	1.692.794.809	-	-	-	-	2.472.656.235
Thuế Giá trị gia tăng bán tài sản (*)	14.074.458.182	-	-	-	14.074.458.182	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	488.024.860	-	766.906.098	-	278.881.238	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	13.800.000	-	28.358.866	-	15.537.003	-	-	-	26.621.863	-
Thuế Tài nguyên	-	-	199.727.873	-	2.259.773.184	-	2.448.595.854	-	-	-	10.905.203	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	233.516.750	-	233.516.750	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	77.128.740	-	679.589.568	-	644.029.884	-	-	-	112.688.424	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	5.000.000	-	5.000.000	-	-	-	-	-
	14.074.458.182		290.656.613		21.934.172.454		5.806.380.398		278.881.238		2.622.871.725	

(*) Đây là khoản thuế GTGT đã nộp khi chuyển nhượng nhà máy thủy điện Tắt Ngoẵng nhưng đã hủy việc chuyển nhượng trên, năm 2020 Công ty đã nhận lại được số tiền này.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	79.100.000	-
	79.100.000	-

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	38.954.683	36.133.999
Bảo hiểm xã hội	1.166.365.925	1.486.110.141
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	5.992.922.754	5.734.190.292
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà - Khoản đặt cọc bảo lãnh thủy điện Mường Sang 2	1.642.117.088	1.642.117.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.614.619	320.541.129
	8.866.975.069	9.219.092.649
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	-	177.211.430.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (*)	1.526.750.000	1.526.750.000
	1.526.750.000	178.738.180.000
c) Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</i>	5.992.922.754	182.945.620.292

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty nhận hợp tác kinh doanh từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO) theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc đầu tư Dự án Thủy điện Thu Cúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	2.758.896.637	2.758.896.637	14.586.500.000	4.258.896.637	13.086.500.000	13.086.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6	2.758.896.637	2.758.896.637	-	2.758.896.637	-	-
Ông Vũ Ngọc Tú	-	-	8.000.000.000	1.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	-	-	6.586.500.000	-	6.586.500.000	6.586.500.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	11.160.000.000	11.160.000.000	7.330.000.000	12.190.000.000	6.300.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	11.160.000.000	11.160.000.000	7.330.000.000	12.190.000.000	6.300.000.000	-
- Chi nhánh Sơn La	13.918.896.637	13.918.896.637	21.916.500.000	16.448.896.637	19.386.500.000	13.086.500.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	120.964.000.000	120.964.000.000	1.030.000.000	40.184.000.000	81.810.000.000	81.810.000.000
- Chi nhánh Sơn La	120.964.000.000	120.964.000.000	1.030.000.000	40.184.000.000	81.810.000.000	81.810.000.000
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	11.160.000.000	11.160.000.000	7.330.000.000	12.190.000.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	109.804.000.000	109.804.000.000			75.510.000.000	75.510.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6	VND	0,00%	Tin chấp	VND	VND
Ông Vũ Ngọc Tú	VND	2,40%	Tin chấp	6.500.000.000	2.758.896.637
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	VND	10,20%	Tin chấp	6.586.500.000	-
				13.086.500.000	2.758.896.637

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	VND	8,55% - 9,6%	2026 - 2028	Tài sản hình thành từ khoản vay	VND	VND
					81.810.000.000	120.964.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					6.300.000.000	11.160.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					75.510.000.000	109.804.000.000

c) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020	
	Góc	Góc	
	VND	VND	
	Lãi	Lãi	
	VND	VND	
Vay			
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17/05/2020)	79.100.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Cùng Giám đốc	-	-
		79.100.000	-
		13.086.500.000	-
		6.586.500.000	-
		6.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Năm 2019											
Tại ngày 01/01/2019	160.076.850.000	48.603.459	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.324.381.506)	147.132.177.144				
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	137.175.257	137.175.257				
Tại ngày 31/12/2019	160.076.850.000	48.603.459	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.187.206.249)	147.269.352.401				
Năm 2020											
Tại ngày 01/01/2020	160.076.850.000	48.603.459	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.187.206.249)	147.269.352.401				
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	320.271.050	320.271.050				
Tại ngày 31/12/2020	160.076.850.000	48.603.459	48.603.459	(3.510.000)	1.334.615.191	(13.866.935.199)	147.589.623.451				

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông Vũ Hà Nam	37.686.000.000	23,54%	37.686.000.000	23,54%	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	8.000.000.000	5,00%	8.000.000.000	5,00%	
Vốn góp của các cổ đông khác	114.390.850.000	71,46%	114.390.850.000	71,46%	
	160.076.850.000	100%	160.076.850.000	100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.076.850.000	160.076.850.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>160.076.850.000</i>	<i>160.076.850.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>160.076.850.000</i>	<i>160.076.850.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.007.685	16.007.685
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.007.685	16.007.685
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.007.685</i>	<i>16.007.685</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	351	351
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>351</i>	<i>351</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.007.334	16.007.334
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.007.334</i>	<i>16.007.334</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.334.615.191	1.334.615.191
	1.334.615.191	1.334.615.191

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán điện	21.396.292.124	31.936.890.586
Doanh thu bán hàng hóa	45.677.930.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.384.397.000	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	17.842.860.229	6.121.169.726
	88.301.479.353	38.058.060.312

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán điện	16.043.996.859	23.466.998.071
Giá vốn của hàng hóa đã bán	45.575.700.000	-
Giá vốn dịch vụ	258.894.944	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	17.383.674.316	6.320.173.229
	79.262.266.119	29.787.171.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.945.400	4.047.186
	2.945.400	4.047.186

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.259.551.258	4.821.403.552
	10.259.551.258	4.821.403.552
Chi phí tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</i>	586.500.000	-

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	118.104.362	194.538.078
Chi phí nhân công	1.346.297.276	2.124.727.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.324.290	375.218.372
Thuế, phí, lệ phí	5.170.000	3.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.624.620	305.873.063
Chi phí khác bằng tiền	333.776.628	348.365.210
	2.361.297.176	3.352.222.715

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.411.968.226	-
Xử lý công nợ	-	35.049.350
Thu nhập khác	-	2.295.000
	4.411.968.226	37.344.350

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	20.025.871	1.479.024
Chi phí khác	4.956.645	-
	24.982.516	1.479.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.677.595.952)	137.175.257
Các khoản điều chỉnh tăng	15.353.671	1.479.024
- Chi phí không hợp lệ	15.353.671	1.479.024
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(138.654.281)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(138.654.281)
Thu nhập tính thuế TNDN	(2.662.242.281)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	3.485.891.862	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.485.891.862	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trước miễn giảm	697.178.372	-
Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	(209.153.512)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	488.024.860	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	766.906.098	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	(278.881.238)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	488.024.860	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(278.881.238)	-

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ hoạt động kinh doanh bất động sản được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là 488.024.860 VND. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ hoạt động kinh doanh bất động sản được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 là 766.906.098 VND. Chênh lệch 278.881.238 VND, do:

- Xác định lại giá trị còn lại của bất động sản chuyển nhượng dẫn đến giảm 348.638.628 VND tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản từ 3.834.530.490 VND còn 3.485.891.862 VND. Ảnh hưởng đến thuế TNDN giảm 69.727.726 VND.
- Tại cuối năm tài chính 2020 Công ty mới đủ cơ sở để xác định thuộc trường hợp được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020. Ảnh hưởng đến thuế TNDN giảm 209.153.512 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	320.271.050	137.175.257
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	320.271.050	137.175.257
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	16.007.334	16.007.334
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	9

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	169.175.823	527.223.111
Chi phí nhân công	5.121.153.605	4.259.674.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.427.450.666	8.736.351.368
Thuế, phí và lệ phí	684.296.250	2.071.612.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.924.336.960	18.156.964.523
Chi phí khác bằng tiền	333.776.628	445.679.097
	35.660.189.932	34.197.505.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.683.189.943	-	2.705.705.937	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.816.983.196	-	7.814.604.798	-
Đầu tư ngắn hạn	2.161.200	-	2.161.200	-
Đầu tư dài hạn	655.045.455	-	655.045.455	-
	25.157.379.794	-	11.177.517.390	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	94.896.500.000	123.722.896.637
Phải trả người bán, phải trả khác	37.680.527.751	202.375.895.528
Chi phí phải trả	79.100.000	-
	132.656.127.751	326.098.792.165

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.683.189.943	-	-	3.683.189.943
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.816.983.196	-	-	20.816.983.196
Đầu tư ngắn hạn	2.161.200	-	-	2.161.200
Đầu tư dài hạn	-	-	655.045.455	655.045.455
	24.502.334.339	-	655.045.455	25.157.379.794
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.705.705.937	-	-	2.705.705.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.814.604.798	-	-	7.814.604.798
Đầu tư ngắn hạn	2.161.200	-	-	2.161.200
Đầu tư dài hạn	-	-	655.045.455	655.045.455
	10.522.471.935	-	655.045.455	11.177.517.390

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	19.386.500.000	52.900.000.000	22.610.000.000	94.896.500.000
Phải trả người bán, phải trả khác	36.153.777.751	-	1.526.750.000	37.680.527.751
Chi phí phải trả	79.100.000	-	-	79.100.000
	55.619.377.751	52.900.000.000	24.136.750.000	132.656.127.751
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	13.918.896.637	71.730.000.000	38.074.000.000	123.722.896.637
Phải trả người bán, phải trả khác	23.637.715.528	-	178.738.180.000	202.375.895.528
	37.556.612.165	71.730.000.000	216.812.180.000	326.098.792.165

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Bù trừ công nợ phải thu và công nợ phải trả	11.166.232.443	10.114.729.295
Bù trừ công nợ phải thu về thanh lý TSCĐ và phải trả khác	184.351.430.000	-
Bù trừ tiền vay phải trả và phải thu về thanh lý TSCĐ	28.364.000.000	-

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀSố 49, ngõ 151B Thái Hà, phường Láng Hạ,
quận Đống Đa, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động bán	Hoạt động thương	Hoạt động xây lắp	Các hoạt động	Tổng cộng các bộ	Tổng cộng toàn
	điện	mai	VND	khác	phần	doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.396.292.124	45.677.930.000	17.842.860.229	3.384.397.000	88.301.479.353	88.301.479.353
Chi phí bộ phận trực tiếp	16.043.996.859	45.575.700.000	17.383.674.316	258.894.944	79.262.266.119	79.262.266.119
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.352.295.265	102.230.000	459.185.913	3.125.502.056	9.039.213.234	9.039.213.234
Tổng chi phí mua TSCĐ	225.941.805.513	-	-	-	225.941.805.513	225.941.805.513
Tài sản bộ phận trực tiếp	267.543.453.423	-	7.358.566.790	3.954.775.020	278.856.795.233	278.856.795.233
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	4.748.054.077	4.748.054.077
Tổng tài sản	267.543.453.423	-	7.358.566.790	3.954.775.020	283.604.849.310	283.604.849.310
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	103.907.890.996	2.472.656.235	13.425.755.313	-	119.806.302.544	119.806.302.544
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	16.208.923.315	16.208.923.315
Tổng nợ phải trả	103.907.890.996	2.472.656.235	13.425.755.313	-	136.015.225.859	136.015.225.859

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu chuyển nhượng thủy điện Tắt Ngoãng			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Cùng Giám đốc	193.377.663.636	-
Lãi đi vay vốn			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Cùng Giám đốc	586.500.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Cùng Giám đốc	5.992.922.754	182.945.620.292

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc; Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	412.800.000	781.679.055

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Thư

ngue



Khánh

Lê Đại Thắng
Người lập

Lê Quảng Đại
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021